

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 34

FA  
K  
FA  
1.00  
CỘ  
ÁP  
HỒ  
V L

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tập Đoàn Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty có đầu tư vào 08 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng câu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Năm	Thành viên
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám Đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Hoàng Phương	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Long An, ngày 20 tháng 02 năm 2012

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
HOÀNG LONG  
**PHẠM PHÚC TOẠI**

Số: 12.118/BCKTHN-2011.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Kính gửi: Các Cổ đông**  
**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 34 kèm theo. Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP, Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****TẶNG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ0075/KTV**KIỂM TOÁN VIÊN****LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**  
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.194.535.069.316</b>	<b>846.116.585.772</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>17.504.224.245</b>	<b>17.880.674.692</b>
1. Tiền	111		17.504.224.245	17.880.674.692
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>686.285.254.747</b>	<b>404.292.324.047</b>
1. Phải thu khách hàng	131		396.147.194.580	326.978.568.663
2. Trả trước cho người bán	132		269.259.277.648	54.795.477.502
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		24.875.343.762	23.868.974.107
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.996.561.243)	(1.350.696.225)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>459.569.461.675</b>	<b>401.471.945.305</b>
1. Hàng tồn kho	141		459.569.461.675	401.471.945.305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.176.128.649</b>	<b>22.471.641.728</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	4.873.098.962	3.221.572.222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		116.883.799	8.914.013.128
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.333.962.602	1.579.242.318
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	24.852.183.286	8.756.814.060

(Phần tiếp theo ở trang 05)

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>953.812.248.380</b>	<b>784.497.173.845</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>799.019.949.422</b>	<b>633.385.420.594</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	269.066.629.418	226.108.353.984
+ Nguyên giá	222		367.236.721.982	293.152.131.629
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.170.092.564)	(67.043.777.645)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	51.945.881.234	47.752.083.038
+ Nguyên giá	228		52.473.347.920	48.172.549.720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(527.466.686)	(420.466.682)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	478.007.438.770	359.524.983.572
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>131.978.108.439</b>	<b>131.897.383.423</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		131.978.108.439	131.897.383.423
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>22.814.190.519</b>	<b>19.214.369.828</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	11.789.841.394	8.081.111.829
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	10.909.349.125	11.018.257.999
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	115.000.000	115.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>2.148.347.317.696</b>	<b>1.630.613.759.617</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.561.614.106.223</b>	<b>1.075.545.669.858</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>1.344.067.861.913</b>	<b>781.136.426.576</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	800.589.964.892	485.810.322.570
2. Phải trả người bán	312	5.15	293.912.614.582	100.550.306.786
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	14.261.536.016	7.053.730.867
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	12.674.259.772	10.387.501.230
5. Phải trả người lao động	315		12.107.505.757	8.812.925.231
6. Chi phí phải trả	316	5.17	58.731.391.468	56.260.978.235
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	138.381.882.995	100.362.841.823
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.408.706.431	11.897.819.834
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>217.546.244.310</b>	<b>294.409.243.282</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	5.997.805.888	5.116.848.708
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	196.628.850.494	265.726.892.489
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	14.510.651	14.510.651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		4.255.350	40.433.600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	14.900.821.927	23.510.557.834
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>573.138.572.998</b>	<b>541.338.274.348</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>	5.23	<b>573.138.572.998</b>	<b>541.338.274.348</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		93.962.961	44.715.649
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.482.223.295	14.364.348.663
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.312.511.004	12.618.211.299
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.376.512.290	952.937.364
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		104.619.513.448	77.104.211.373
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	5.24	<b>13.594.638.475</b>	<b>13.729.815.411</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.148.347.317.696</b>	<b>1.630.613.759.617</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại :			
- USD		243.243,55	7.783,56
- EUR		235,00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*nghe*

**NGUYỄN THỊ TRÚC**

Long An, ngày 31 tháng 01 năm 2012

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM PHÚC TOẠI**

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.847.576.414.232	1.164.092.180.831
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	59.749.940.618	12.508.226.359
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.787.826.473.614	1.151.583.954.472
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.462.074.690.212	968.822.617.937
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		325.751.783.402	182.761.336.535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	24.866.393.675	17.985.632.601
7. Chi phí tài chính	22	6.4	123.003.244.458	50.071.120.748
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		51.925.950.301	38.233.297.976
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	85.684.897.304	47.695.577.016
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	79.896.446.314	65.482.822.430
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.033.589.001	37.497.448.942
11. Thu nhập khác	31	6.7	11.800.835.703	84.214.951.837
12. Chi phí khác	32	6.8	6.576.517.842	64.768.620.183
13. Lợi nhuận khác	40		5.224.317.861	19.446.331.654
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(24.274.984)	(220.822.469)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		67.233.631.878	56.722.958.127
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		4.634.221.124	18.672.890.227
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	108.908.874	(3.938.458.182)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		62.490.501.880	41.988.526.082
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(370.248.151)	(368.966.552)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		62.860.750.031	42.357.492.634
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.23	1.421	1.433

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Nghe*

NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 31 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

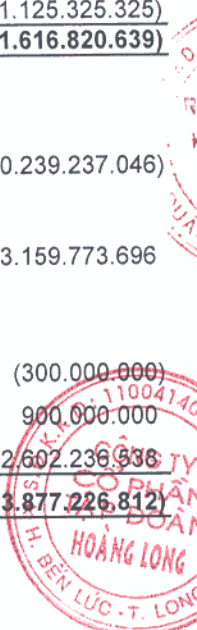
**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		67.233.631.878	56.722.958.127
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		35.560.049.275	30.653.567.834
Các khoản dự phòng	03		2.645.865.018	191.519.972
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4.057.078.768	(9.854.648.760)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		4.364.456.106	(15.776.982.602)
Chi phí lãi vay	06		51.925.950.301	38.233.297.976
Điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>165.787.031.346</b>	<b>100.169.712.547</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		182.279.933.188	17.751.725.008
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(58.097.516.370)	(147.174.652.581)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(229.297.608.660)	(376.370.092.286)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(5.360.256.305)	3.115.040.777
Tiền lãi vay đã trả	13		(51.114.565.744)	(37.562.220.636)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(69.889.554)	(50.866.359.829)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.834.669.912	10.445.351.686
Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh			(30.018.479.528)	(11.125.325.325)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			<b>(18.056.681.715)</b>	<b>(491.616.820.639)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(198.956.225.853)	(90.239.237.046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		22.681.994.100	63.159.773.696
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(105.000.000)	(300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	900.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.783.959.202	2.602.236.938
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(167.595.272.551)</b>	<b>(23.877.226.812)</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.561.075.896.160	1.170.031.867.061
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.348.711.436.997)	(656.565.178.642)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.069.743.000)	(49.691.270.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>185.294.716.163</b>	<b>463.775.418.219</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(357.238.103)</b>	<b>(51.718.629.232)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.880.674.692	69.597.111.374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(19.212.344)	2.192.550
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>17.504.224.245</b>	<b>17.880.674.692</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 31 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại...

(Phần tiếp theo ở trang 12)

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Số 154D, đường 134, P.Veal Vong, Quận 7 Makara, TP.Pnompenh Campuchia	55%	87.11%
8.	Công ty CP Thanh Mỹ	469 Đình Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100%	100%

### 1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

# **TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

---

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### **4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

### 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

#### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

#### 4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

#### 4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.078.892.105	777.657.447
Tiền gửi ngân hàng	15.425.332.140	17.103.017.245
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.504.224.245</b>	<b>17.880.674.692</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	396.147.194.580	326.978.568.663
Trả trước cho người bán	269.259.277.648	54.795.477.502
Các khoản phải thu khác	24.875.343.762	23.868.974.107
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>690.281.815.990</b>	<b>405.643.020.272</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.996.561.243)	(1.350.696.225)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>686.285.254.747</b>	<b>404.292.324.047</b>

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	330.153.732.853	242.855.217.457
Phải thu hoạt động thi công	-	1.047.857.984
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	65.993.461.727	83.075.493.222
<b>Cộng</b>	<b>396.147.194.580</b>	<b>326.978.568.663</b>

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước về mua sắm và xây dựng cơ bản tài sản cố định	-	41.548.971.881
Trả trước hoạt động thi công	5.553.355.810	7.117.700.432
Trả trước hoạt động thương mại	9.780.320.500	-
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	253.518.867.714	2.451.694.000
Khác	406.733.624	3.677.111.189
<b>Cộng</b>	<b>269.259.277.648</b>	<b>54.795.477.502</b>

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	12.433.782.295	11.995.316.400
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.236.268.237	1.227.774.537
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	1.538.755.304	3.188.838.016
Ứng trước tiền nuôi thủy sản	4.175.354.500	5.690.909.000
Phải thu Ông Phạm Phúc Toại – xem mục 7	20.828.000	-
Phải thu Công ty Thanh Thy – xem mục 7	542.000.000	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Khác	4.928.355.426	1.766.136.154
<b>Cộng</b>	<b>24.875.343.762</b>	<b>23.868.974.107</b>
<b>5.3. Hàng tồn kho</b>		
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Hàng mua đang đi đường	23.232.000	27.395.557.083
Nguyên liệu, vật liệu	62.562.910.852	45.349.914.382
Công cụ, dụng cụ	8.614.069.952	4.441.815.315
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	174.004.921.841	182.137.495.781
Thành phẩm	182.339.222.242	113.033.139.039
Hàng hóa	32.025.104.788	29.112.601.576
Hàng gửi bán	-	1.422.129
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>459.569.461.675</b>	<b>401.471.945.305</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>459.569.461.675</b>	<b>401.471.945.305</b>
<b>5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Chi phí sửa chữa	-	189.446.564
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.869.930.849	1.624.706.179
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.784.077.204	1.231.655.221
Khác	219.090.909	175.764.258
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.873.098.962</b>	<b>3.221.572.222</b>
<b>5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>		
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Thuế TNDN nộp thừa	1.322.067.746	1.568.703.577
Thuế TNCN nộp thừa	10.394.856	-
Khác	1.500.000	10.538.741
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.333.962.602</b>	<b>1.579.242.318</b>
<b>5.6. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tạm ứng	3.826.810.211	6.678.977.852
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.025.373.075	2.077.836.208
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.852.183.286</b>	<b>8.756.814.060</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	22.916.027.104	62.742.295.838	200.600.240.086	4.010.812.894	2.882.755.707	293.152.131.629
Mua trong năm	3.068.596.783	55.527.074.413	23.237.256.799	172.505.618	1.492.966.877	83.498.400.490
Tăng khác	-	2.967.240	4.780.100	10.039.320	-	17.786.660
Thanh lý	-	(922.727.273)	(8.487.647.524)	(21.222.000)	-	(9.431.596.797)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.984.623.887</b>	<b>117.349.610.218</b>	<b>215.354.629.461</b>	<b>4.172.135.832</b>	<b>4.375.722.584</b>	<b>367.236.721.982</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3.909.558.511	8.407.535.233	51.352.517.542	2.833.331.983	540.834.376	67.043.777.645
Khấu hao trong năm	1.654.013.888	8.322.015.930	24.361.759.286	659.163.704	456.096.463	35.453.049.271
Tăng khác	-	1.457.177	1.641.102	6.122.340	-	9.220.619
Thanh lý	-	(262.387.553)	(4.054.113.918)	(19.453.500)	-	(4.335.954.971)
Phân loại TSCĐ	(32.157.840)	(77.416.351)	-	-	109.574.191	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.531.414.559</b>	<b>16.391.204.436</b>	<b>71.661.804.012</b>	<b>3.479.164.527</b>	<b>1.106.505.030</b>	<b>98.170.092.564</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	19.006.468.593	54.334.760.605	149.247.722.544	1.177.480.911	2.341.921.331	226.108.353.984
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>20.453.209.328</b>	<b>100.958.405.782</b>	<b>143.692.825.449</b>	<b>692.971.305</b>	<b>3.269.217.554</b>	<b>269.066.629.418</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thể chấp là : 224.652.663.998 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.766.137.252 đồng

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	48.162.249.720	10.300.000	48.172.549.720
Tăng trong năm	4.300.798.200	-	4.300.798.200
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.463.047.920</b>	<b>10.300.000</b>	<b>52.473.347.920</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	410.166.682	10.300.000	420.466.682
Khấu hao trong năm	107.000.004	-	107.000.004
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>517.166.686</b>	<b>10.300.000</b>	<b>527.466.686</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	47.752.083.038	-	47.752.083.038
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>51.945.881.234</b>	<b>-</b>	<b>51.945.881.234</b>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng

**5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	128.313.113.494	99.027.981.727
Hệ thống xử lý nước khoáng, giếng bình	2.025.000.000	-
Giếng khoan	1.959.967.573	-
Quyền sử dụng đất nhà xưởng nước khoáng	4.437.843.028	-
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.619.233.443
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	336.387.157.232	242.141.685.134
Chi phí xây dựng nhà xưởng sản xuất nước đá	-	13.481.734.313
Khác	256.184.000	254.348.955
<b>Tổng cộng</b>	<b>478.007.438.770</b>	<b>359.524.983.572</b>

**5.10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	131.978.108.439	131.897.383.423
Đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>131.978.108.439</b>	<b>131.897.383.423</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>131.978.108.439</b>	<b>131.897.383.423</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết công ty liên kết Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2011	Tỷ lệ vốn góp theo giấy phép kinh doanh
+ Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy	Liên kết	131.978.108.439	30%
<b>Cộng</b>		<b>131.978.108.439</b>	

**5.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí CCDC chờ phân bổ	8.586.977.036	7.548.665.165
Chi phí cải tạo ao, nhà kho	2.575.600.174	-
Chi phí thuê đất	576.139.722	-
Chi phí sửa chữa lớn	47.085.616	85.140.213
Chi phí san lấp mặt bằng máy nước	-	51.825.000
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	-	395.481.451
Khác	4.038.846	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.789.841.394</b>	<b>8.081.111.829</b>

**5.12. Tài sản thuế hoãn lại**

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.510.035.669	3.484.474.394
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	7.139.034.378	7.139.034.378
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	260.279.078	394.749.227
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.909.349.125</b>	<b>11.018.257.999</b>

**5.13. Tài sản dài hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Đặt cọc khác	15.000.000	15.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.000.000</b>	<b>115.000.000</b>

**5.14. Vay ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	800.589.964.892	485.810.322.570
<b>Tổng cộng</b>	<b>800.589.964.892</b>	<b>485.810.322.570</b>

Vay ngân hàng với lãi suất từ 13,5%/năm đến 23%/năm đối với VNĐ, 6,6%/năm đến 9,5%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

## TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23 tháng 03 năm 2011
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PG Bank ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011. Trị giá tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tương ứng là 390.212.349.000 đồng.
- 7.400.658 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long trị giá 189.456.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009
- Các xe ô tô mua để kinh doanh theo hợp đồng thế chấp số 4711/2010/HĐTC-DN-HCM ngày 16/11/2011. Tổng trị giá tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2011 là 20.156.763.647 đồng.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

### 5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	293.912.614.582	100.550.306.786
Người mua trả tiền trước	14.261.536.016	7.053.730.867
<b>Tổng cộng</b>	<b>308.174.150.598</b>	<b>107.604.037.653</b>

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.914.640.000	7.194.160.000
Phải trả hoạt động thương mại	5.622.584.968	14.471.305.968
Phải trả tiền mua cát	-	1.389.775.580
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	272.315.648.592	58.953.403.707
Phải trả về hoạt động thi công	1.259.245.835	10.631.833.825
Khác	1.093.083.187	2.202.415.706
<b>Cộng</b>	<b>293.912.614.582</b>	<b>100.550.306.786</b>

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	2.761.184.112	2.466.644.371
Trả trước cho hoạt động thương mại	10.754.766.503	3.813.357.346
Khác	745.585.401	773.729.150
<b>Cộng</b>	<b>14.261.536.016</b>	<b>7.053.730.867</b>

### 5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	3.051.407.929	4.430.851.836
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	665.388.869	-
Thuế TNDN	5.581.933.352	5.130.353.222
Thuế TNCN	253.241.279	180.314.476

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thuế tài nguyên	25.101.377	13.331.778
Các khoản phí, lệ phí	3.097.186.966	632.649.918
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.674.259.772</b>	<b>10.387.501.230</b>

**5.17. Chi phí phải trả**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.556.137.510	28.556.137.510
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	5.154.426.000	7.770.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.021.439.200	-
Trích trước lương, thưởng tháng 13	1.148.604.172	-
Trích trước chi phí lãi vay	4.161.994.079	1.266.050.218
Khác	175.000.000	155.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.731.391.468</b>	<b>56.260.978.235</b>

**5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.299.800
Kinh phí công đoàn	707.617.936	416.737.232
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	723.451.143	362.396.726
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	603.726.000	658.565.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy – xem mục 7	19.475.443.935	24.557.443.935
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Phúc Toại – xem mục 7	504.597.500	-
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	16.539.793.518	9.382.866.150
Phải trả tiền lãi vay tháng 12/2011	4.099.006.797	-
Phải trả tiền mượn các đối tượng khác	93.447.123.910	63.634.629.445
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.281.122.256	1.348.903.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>138.381.882.995</b>	<b>100.362.841.823</b>

**5.19. Phải trả dài hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi	5.367.805.888	5.116.848.708
Nhận đặt cọc bán hàng	630.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.997.805.888</b>	<b>5.116.848.708</b>

**5.20. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay ngân hàng	196.628.850.494	265.726.892.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>196.628.850.494</b>	<b>265.726.892.489</b>



# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Vay ngân hàng với lãi suất là 14%/năm đến 23%/năm đối với VNĐ, 6,5%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Xe ô tô Toyota Innova hình thành từ vốn vay
- 15 xe ô tô KIA CARENS theo hợp đồng thế chấp số 03.20.2011.002.02 ngày 08/09/2011
- 30 xe ô tô KIA CARENS theo hợp đồng thế chấp số 8412/2010/HĐTC-DN-HCM.
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình

### 5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho	14.510.651	14.510.651
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.510.651</b>	<b>14.510.651</b>

### 5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản	14.900.821.927	23.510.557.834
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.900.821.927</b>	<b>23.510.557.834</b>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23. Vốn chủ sở hữu**

**5.23.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ năm trước	295.807.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	5.091.998	27.347.420.860	132.040.158.808	550.291.931.666
Tăng vốn	147.946.740.000	(102.592.150.000)	-	-	(793.200.000)	(44.561.390.000)	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	42.357.492.634	42.357.492.634
CL tỷ giá	-	-	-	39.623.651	-	-	39.623.651
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(278.226.938)	(278.226.938)
Trích quỹ	-	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.931)	(1.381.276.465)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(49.691.270.200)	(49.691.270.200)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>44.715.649</b>	<b>27.935.497.326</b>	<b>77.104.211.373</b>	<b>541.338.274.348</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	62.860.750.031	62.860.750.031
CL tỷ giá	-	-	-	49.247.312	-	-	49.247.312
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(227.781.356)	(227.781.356)
Trích quỹ	-	-	-	-	4.235.749.263	(8.047.923.600)	(3.812.174.337)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(27.069.743.000)	(27.069.743.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>-</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>93.962.961</b>	<b>32.171.246.589</b>	<b>104.619.513.448</b>	<b>573.138.572.998</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>443.753.850.000</b>

**5.23.3. Cổ phần**

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**5.23.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62.860.750.031	42.357.492.634
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	44.225.385	29.552.311
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>1.421</b>	<b>1.433</b>

**5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	13.729.815.411	13.611.824.094
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	-	200.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(135.176.936)	(82.008.683)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.594.638.475</b>	<b>13.729.815.411</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	114.305.484.808	385.432.414.276
Doanh thu hoạt động thi công	7.226.449.672	22.552.917.093
Doanh thu kinh doanh bất động sản	30.767.548.569	99.286.682.605
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.596.162.081	4.335.191.272
Doanh thu cung cấp nước	6.932.647.872	4.207.029.346
Doanh thu taxi	129.239.919.477	105.699.262.745
Doanh thu chế biến thủy sản	1.526.579.009.766	535.803.092.217
Doanh thu khác	29.929.191.987	6.775.591.277
Hàng bán bị trả lại	(59.749.940.618)	(12.508.226.359)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.787.826.473.614</b>	<b>1.151.583.954.472</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	115.070.242.405	378.867.809.426
Giá vốn hoạt động thi công	6.724.336.550	17.516.844.089
Giá vốn hoạt động bất động sản	716.808.678	39.736.071.823
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	327.001.786
Giá vốn cung cấp nước	3.938.361.934	3.547.478.875
Giá vốn hoạt động taxi	100.308.404.761	83.136.931.503
Giá vốn chế biến thủy sản	1.210.762.821.717	438.973.293.883
Giá vốn hoạt động khác	24.553.714.167	6.717.186.552
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.462.074.690.212</b>	<b>968.822.617.937</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	452.986.242	2.602.236.538
Thu cổ tức	74.735.785	-
Thu lãi từ giao dịch phái sinh hàng hóa	8.256.237.175	-
Chiết khấu thanh toán	795.397.038	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.934.957.932	5.504.103.386
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.349.943.503	9.879.279.407
Khác	2.136.000	13.270
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.866.393.675</b>	<b>17.985.632.601</b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	51.925.950.301	38.233.297.976
Lỗ do giao dịch phái sinh hàng hóa	13.268.596.182	-
Lãi tiền nhận ký quỹ của tài xế taxi	296.553.354	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	52.009.359.187	8.105.538.680
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.407.022.271	24.630.647
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	3.707.653.445
Khác	95.763.163	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.003.244.458</b>	<b>50.071.120.748</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.193.644.367	3.824.932.423
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	16.447.014.301	9.661.455.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	530.854.772	540.436.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.104.453.367	22.105.525.925

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí bằng tiền khác	22.408.930.497	11.563.226.939	
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.684.897.304</b>	<b>47.695.577.016</b>	
<b>6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>			
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	
Chi phí nhân viên	37.402.710.168	34.952.479.270	
Chi phí dự phòng	2.645.865.018	-	
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.116.858.798	2.484.245.427	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.174.464.296	4.754.342.138	
Thuế, phí và lệ phí	1.142.130.611	820.369.145	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.097.688.723	7.509.359.777	
Chi phí bằng tiền khác	19.316.728.700	14.962.026.673	
<b>Tổng cộng</b>	<b>79.896.446.314</b>	<b>65.482.822.430</b>	
<b>6.7. Thu nhập khác</b>			
	<b>Năm trước</b>	<b>Năm trước</b>	
Thu phí đo đạc	72.287.731	-	
Thu tiền bán phế liệu	1.885.952.967	1.872.176.839	
Thu thanh lý tài sản cố định	5.215.822.700	72.898.038.871	
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	2.032.311.361	6.713.539.216	
Thu nhập khác	2.594.460.944	2.731.196.911	
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.800.835.703</b>	<b>84.214.951.837</b>	
<b>6.8. Chi phí khác</b>			
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.372.031.805	
Chi phí thanh lý tài sản cố định	5.095.641.826	59.723.292.807	
Chi phí hoàn trả hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng	891.654.868	-	
Chi phí khác	589.221.148	3.673.295.571	
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.576.517.842</b>	<b>64.768.620.183</b>	
<b>6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>			
<b>Chênh lệch tạm thời</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Thuế suất</b>	<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim 2	(102.245.100)	25%	(25.561.275)
Thuế hoãn lại từ việc hoàn nhập lãi chưa thực hiện của năm nay	537.880.596	25%	134.470.149
<b>Tổng cộng</b>	<b>435.635.496</b>		<b>108.908.874</b>

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

---

### 7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Sản xuất, thương mại
- + Thi công xây lắp
- + Bất động sản
- + Dịch vụ taxi
- + Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- + Khác : cung cấp nước; sản xuất và cung cấp nước đá và các hoạt động khác

*(Phần tiếp theo ở trang 29)*

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác:

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	113.382.145.017	7.226.449.672	(324.097.759)	129.063.663.767	1.499.020.310.977	39.458.001.940	1.787.826.473.614
Giá vốn	(115.070.242.405)	(6.724.336.550)	(716.808.678)	(100.308.404.761)	(1.210.762.821.717)	(28.492.076.101)	(1.462.074.690.212)
<b>Lãi gộp</b>	<b>(1.688.097.388)</b>	<b>502.113.122</b>	<b>(1.040.906.437)</b>	<b>28.755.259.006</b>	<b>288.257.489.260</b>	<b>10.965.925.839</b>	<b>325.751.783.402</b>
Chi phí bán hàng	(2.177.877.476)	-	-	(3.370.863.455)	(77.290.021.568)	(2.846.134.805)	(85.684.897.304)
Chi phí QLDN	(25.062.512.020)	(3.264.668.091)	-	(20.225.017.478)	(29.360.041.674)	(1.984.207.051)	(79.896.446.314)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng</b>	<b>(28.928.486.884)</b>	<b>(2.762.554.969)</b>	<b>(1.040.906.437)</b>	<b>5.159.378.073</b>	<b>181.607.426.018</b>	<b>6.135.583.983</b>	<b>160.170.439.784</b>
Doanh thu tài chính	12.929.202.114	20.915.304	-	36.850.578	11.879.426.679	-	24.866.393.675
Chi phí tài chính	(81.036.486.592)	-	-	(8.258.898.428)	(33.707.859.438)	-	(123.003.244.458)
<b>Lợi nhuận tài chính</b>	<b>(68.107.284.478)</b>	<b>20.915.304</b>	<b>-</b>	<b>(8.222.047.850)</b>	<b>(21.828.433.759)</b>	<b>-</b>	<b>(98.136.850.783)</b>
Thu nhập khác	2.508.014.551	221.460.997	-	6.204.686.789	2.547.317.475	319.355.891	11.800.835.703
Chi phí khác	(1.551.475.904)	(303.144.770)	-	(3.821.529.652)	(62.532.106)	(837.835.410)	(6.576.517.842)
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>956.538.647</b>	<b>(81.683.773)</b>	<b>-</b>	<b>2.383.157.137</b>	<b>2.484.785.369</b>	<b>(518.479.519)</b>	<b>5.224.317.861</b>
<b>Lỗ từ hoạt động liên doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(24.274.984)</b>	<b>(24.274.984)</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV.Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(96.079.232.715)</b>	<b>(2.823.323.438)</b>	<b>(1.040.906.437)</b>	<b>(679.512.640)</b>	<b>162.263.777.628</b>	<b>5.592.829.480</b>	<b>67.233.631.878</b>
Chi phí thuế TNDN	(4.071.607.225)	(6.158.385)	25.561.275	(495.415.497)	-	(195.510.166)	(4.743.129.998)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(100.150.839.940)</b>	<b>(2.829.481.823)</b>	<b>(1.015.345.162)</b>	<b>(1.174.928.137)</b>	<b>162.263.777.628</b>	<b>5.397.319.314</b>	<b>62.490.501.880</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	(235.071.215)	-	-	-	-	(135.176.936)	(370.248.151)
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>(99.915.768.725)</b>	<b>(2.829.481.823)</b>	<b>(1.015.345.162)</b>	<b>(1.174.928.137)</b>	<b>162.263.777.828</b>	<b>5.532.496.250</b>	<b>62.860.750.031</b>

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.



# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

▪ Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu Công ty Thanh Thy – xem mục 5.2	542.000.000	-
Phải thu ông Phạm Phúc Toại – xem mục 5.2	20.828.000	-
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại – xem mục 5.18	504.597.500	5.470.359.000
Phải trả Công ty Thanh Thy – xem mục 5.18	19.475.443.935	24.557.443.935

▪ Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	3.859.488.277	3.979.157.822

▪ Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	2.210.555.315	1.375.389.456

### 9. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.504.224.245	17.880.674.692
Phải thu khách hàng và phải thu khác	392.150.633.337	325.627.872.438
Phải thu do cho mượn tiền	12.454.610.295	11.995.316.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>422.109.467.877</b>	<b>355.503.863.530</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	997.218.815.386	751.537.215.059
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	315.155.140.897	110.591.737.936
Mượn tiền từ các đối tượng khác	113.427.165.345	88.192.073.380
Chi phí phải trả	57.582.787.296	56.260.978.235

# TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải trả dài hạn khác	5.997.805.888	5.116.848.708
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.489.381.714.812</b>	<b>1.011.698.853.318</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

- Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	39.806.126,82	24.536.840,43	3.723.375,35	2.995.406,94
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	235	-

- Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả khách hàng và phải trả khác	315.155.140.897	-	315.155.140.897
Chi phí phải trả	10.512.859.279	47.069.928.017	57.582.787.296
Các khoản vay	914.017.130.237	196.628.850.494	1.110.645.980.731
Phải trả dài hạn khác	-	5.997.805.888	5.997.805.888
<b>Cộng</b>	<b><u>1.239.685.130.413</u></b>	<b><u>249.696.584.399</u></b>	<b><u>1.489.391.714.812</u></b>

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả khách hàng và phải trả khác	110.591.737.936	-	110.591.737.936
Chi phí phải trả	9.191.050.218	47.069.928.017	56.260.978.235
Các khoản vay	574.002.395.950	265.726.892.489	839.729.288.439
Phải trả dài hạn khác	-	5.116.848.708	5.116.848.708
<b>Cộng</b>	<b><u>693.785.184.104</u></b>	<b><u>317.913.669.214</u></b>	<b><u>1.011.698.853.318</u></b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	326.157.171.610	65.993.461.737	392.150.633.337
Phải thu tiền cho mượn	12.454.610.295	-	12.454.610.295
<b>Cộng</b>	<b><u>338.611.781.905</u></b>	<b><u>65.993.461.737</u></b>	<b><u>404.605.243.632</u></b>

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	242.552.379.216	83.075.493.222	325.627.872.438
Phải thu tiền cho mượn	11.995.316.400	-	11.995.316.400
<b>Cộng</b>	<b><u>254.547.695.616</u></b>	<b><u>83.075.493.222</u></b>	<b><u>337.623.188.838</u></b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Do Chính Phủ quy định không được phép hoạt động khai thác cát nên Công ty TNHH MTV Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long dự định sẽ được giải thể trong tương lai.


Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 31 tháng 01 năm 2012.

Long An, ngày 31 tháng 01 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

  
\_\_\_\_\_

**NGUYỄN THỊ TRÚC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
\_\_\_\_\_

**PHẠM PHÚC TOẠI**